

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC NINH
TỈNH B PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 23/2021/DS-ST

Ngày: 02-7-2021

V/v “Tranh chấp quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH – TỈNH B PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quốc Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Thành Hải

2. Ông Nguyễn Thành Vui

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Lệ Thy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh tham gia phiên tòa:

Ông Ngô Văn Đạt - Kiểm sát viên

Ngày 02 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh B Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 153/2021/TLST – DS ngày 04 tháng 11 năm 2020, về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2021/QĐXXST- DS ngày 27 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2021/QĐHPT- ST ngày 14 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T1 T, sinh năm 1981 – có mặt

Địa chỉ: Số nhà 31, ấp 4, xã Lộc Thái, huyện Lộc Ninh, tỉnh B Phước

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn H – vắng mặt không có lý do

Địa chỉ: Số nhà 39/2, đường Nguyễn Du, khu phố Ninh Hòa, thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh B Phước

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1967

- Ông Nguyễn Đức T1, sinh năm 1990.

- Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1998.

- Ông Nguyễn Văn Th, sinh ngày 10/3/2003.

Cùng địa chỉ: Số nhà 39/2, đường Nguyễn Du, khu phố Ninh Hòa, thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh B Phước

Vắng mặt không có lý do

- Bà Trương Thị C, sinh năm 1979 - vắng mặt có đơn xin vắng

Địa chỉ: Ấp 11A, xã Lộc Thiện, huyện Lộc Ninh, tỉnh B Phước.

4. *Người làm chứng*: Ông Hoàng Ngọc Y, sinh năm 1960 - vắng mặt có đơn xin vắng

Địa chỉ: kp Ninh Hòa, thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh B Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn – Bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:*

Vào năm 2019, bà T và bà Trương Thị C, địa chỉ: Ấp 11A, xã Lộc Thiện, huyện Lộc Ninh, tỉnh B Phước cùng nhận chuyển nhượng của ông Hoàng Ngọc Y, Địa chỉ: khu phố Ninh Hòa, thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh B Phước thửa đất số 80, tờ bản đồ 19, diện tích 207,6m², thửa đất đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Nguyễn Thị Thanh T và bà Trương Thị C theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1846 ngày 29/11/2019, đất tọa lạc tại khu phố Ninh Hòa, thị trấn Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh B Phước. Sau khi nhận chuyển nhượng thì bà C chuyển nhượng lại phần đất đã mua chung cho bà T. Hiện nay thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Nguyễn Thị Thanh T thửa đất số 80, tờ bản đồ 19, diện tích 207,6m², sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 2381 do sở tài nguyên môi trường tỉnh B Phước cấp ngày 06/01/2021, đất tọa lạc tại khu phố Ninh Hòa, thị trấn Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh B Phước.

Sau khi nhận chuyển nhượng thì ông Y tiến hành bàn giao đất và đo đạc, cắm ranh. Tuy nhiên sau khi cắm ranh đất, phần đất phía sau của bà T đã bị gia đình ông H lấn chiếm, ông H còn lấy kẽm gai giăng làm hàng rào chắn ngang lấn sang phần đuôi đất của bà T khoảng 25m².

Bà T yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc gia đình ông H phải trả cho bà T phần đất đã lấn chiếm là 25m².

Tại phiên tòa, bà T yêu cầu gia đình ông H gồm: ông H, bà N là vợ của ông H, ông T1, ông B, ông Th là con của ông H trả lại phần đất lấn chiếm là 23,6m² nằm trong phần diện tích 207,6m², thửa đất số 80, tờ bản đồ 19, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 2381 do sở tài nguyên môi trường tỉnh B Phước

cấp ngày 06/01/2021 đứng tên Nguyễn Thị Thanh T, đất tọa lạc tại khu phố Ninh Hòa, thị trấn Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh B Phước.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn H, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Đức T1, ông Nguyễn Văn B, ông Nguyễn Văn Th vắng mặt không có lý do:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt làm việc.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị C có đơn xin vắng mặt, trong quá trình giải quyết vụ án có bản tự khai trình bày:

Bà C thống nhất lời trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn thị Thanh T, phần đất của bà C đồng sở hữu với bà T hiện nay đã chuyển nhượng lại cho bà T, đã làm hợp đồng công chứng chứng thực nên đây là tài sản hợp pháp của bà T. Bà C không có ý kiến gì đối với tranh chấp giữa bà T và gia đình ông H.

Người làm chứng ông Hoàng Ngọc Y có đơn xin vắng mặt, trong quá trình giải quyết vụ án có bản tự khai trình bày:

Vào năm 2019 ông Y chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Thanh T và bà Trương Thị C thửa đất số 80, tờ bản đồ 19, diện tích 207,6m², thửa đất cấp đã được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1846 ngày 29/11/2019, đất tọa lạc tại khu phố Ninh Hòa, thị trấn Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh B Phước. Sau khi chuyển nhượng ông Y cắm ranh, mốc, bàn giao đất cho bà T và bà C. Trước khi chuyển nhượng cho bà T và bà C thì ông Y vẫn sử dụng đúng diện tích đã được cấp theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất và không xảy ra tranh chấp gì với gia đình ông Hóa. Nay xảy ra tranh chấp giữa bà T với ông H thì ông Y đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật, ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa, không có đương sự nào cung cấp thêm tài liệu chứng cứ gì

- *Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:*

+ *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa kể từ ngày T lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn, không chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

+ *Về nội dung giải quyết vụ án:*

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại phiên tòa của nguyên đơn thì diện tích đất tranh chấp được xác định 25m². Tuy nhiên theo sơ đồ đo đạc của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai xác định diện tích các bên đang tranh chấp là 23,6m². Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho bà T thì bị đơn không cung cấp tài liệu chứng cứ gì, ngoài ra căn cứ vào Công văn trả lời của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Lộc Ninh thì hộ ông Nguyễn Văn H không có

hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại khu phố Ninh Hòa, thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh B Phước.

Diện tích đất đang tranh chấp giữa bà T với gia đình ông H đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Y, ông Y đã quản lý, sử dụng ổn định, không có tranh chấp, sau đó ông Y chuyển nhượng lại cho bà T và bà C.

Về trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T bà C, được cơ quan có thẩm quyền xác định là đúng trình tự thủ tục quy định. Nên việc khởi kiện của bà T là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Án phí: Ông H phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bà Nguyễn Thị Thanh T yêu cầu giải quyết ông Nguyễn Văn H phải trả lại phần diện tích đất là 25m², đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Nguyễn Thị Thanh T thuộc thửa đất số 80, tờ bản đồ 19, diện tích 207,6m², sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 2381 do sở tài nguyên môi trường tỉnh B Phước cấp ngày 06/01/2021.

Căn cứ khoản 1 Điều 203 của Luật đất đai năm 2013; khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 điểm a và c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên vụ án Thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc.

Căn cứ biên bản xác minh tại Công an thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh cung cấp thông tin: Bà Nguyễn Thị N là vợ ông Nguyễn Văn Hóa. Ông Nguyễn Đức T1, ông Nguyễn Văn B, ông Nguyễn Văn Th là con ruột của ông H, có cùng hộ khẩu thường trú, cùng nơi cư trú với ông H và hiện tại đang sinh sống tại khu phố Ninh Hòa, thị trấn Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh B Phước, khi xảy ra tranh chấp, những thành viên trong gia đình ông H có hành vi cản trở, đe dọa không cho bà T rào lại hàng rào trên diện tích đất đang tranh chấp nên bà N, ông T1, ông B, ông Th được Tòa án xác định có tư cách tố tụng là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Ông H, Bà N, ông T1, ông B, ông Th vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, tiến hành niêm yết yêu cầu ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Đức T1, ông Nguyễn Văn B, ông Nguyễn Văn Th đến Tòa án để giải quyết vụ án, nhưng ông H, bà N, ông T1, ông B, ông Th vẫn không đến. Ông Y, bà C có yêu

cầu xét xử vắng mặt vì vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn H phải trả lại phần diện tích đất là 25m², Tộc thửa đất số 80, tờ bản đồ 19, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Nguyễn Thị T1 T và bà Trương Thị C theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1846 ngày 29/11/2019, đất tọa lạc tại khu phố Ninh Hòa, thị trấn Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh B Phước. Bà C xác nhận đã chuyển nhượng lại phần đất đồng sở hữu với bà T lại cho bà T. Bà C không có ý kiến gì. Nay Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp đổi thành giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Nguyễn Thị T1 T Tộc thửa đất số 80, tờ bản đồ 19, diện tích 207,6m², sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 2381 do Sở tài nguyên môi trường tỉnh B Phước cấp ngày 06/01/2021 (cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà C đã chuyển nhượng lại cho bà T).

Theo biên bản xem xét thẩm định ngày 21/01/2021 và Sơ đồ đo đạc đất ngày 22/01/2021 thể hiện diện tích đất tranh chấp giữa các đương sự có vị trí như sau: Thửa đất tọa lạc tại khu phố Ninh Hòa, thị trấn Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh B Phước, Tộc thửa đất số 80, tờ bản đồ 19, diện tích 207,6m², sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận số 1846 ngày 29/11/2019 đứng tên bà Nguyễn Thị T1 T và bà Trương Thị C (nay được cấp đổi sổ thành giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Nguyễn Thị Thanh T thuộc thửa đất số 80, tờ bản đồ 19, diện tích 207,6m², sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 2381 do sở tài nguyên môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 06/01/2021). Trong phần đất bà T đang quản lý sử dụng có một phần đất đang tranh chấp được phân chia bởi hàng rào do bị đơn ông Nguyễn Văn H rào lại sau khi bà T tiến hành cắm mốc, ranh giới khi nhận chuyển nhượng của ông Y. Diện tích đất tranh chấp giữa các đương sự có vị trí như sau:

+ Hướng Bắc diện tích đất ông H và bà T đang tranh chấp có chiều dài 10.34m, hướng Đông có chiều dài 1,60m, hướng Tây có chiều dài 3m, hướng Nam có chiều dài 10.30m. Tổng diện tích tranh chấp là 23,6m².

Trên phần đất tranh chấp có 01 cây xoài, 02 lồng gà bằng sắt. Bà T xác định 02 lồng gà trên của gia đình ông Hóa. Còn cây xoài khi nhận chuyển nhượng của ông Y đã được trồng từ trước. Trong đó lồng gà thứ nhất có kích thước 01 mét x 01 mét x 1,6 mét (dài x rộng x cao). Lồng gà thứ 2 có kích thước 01 mét x 02 mét x 1,3 mét (dài x rộng x cao). Ngoài ra trên phần đất tranh chấp không còn công trình hay vật kiến trúc nào khác.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà T thì Hội đồng xét xử thấy rằng:

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận tại phiên tòa thì chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà T là Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Nguyễn Thị T1 T Tộc thửa đất số 80, tờ bản đồ 19, diện tích 207,6m², sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 2381 do Sở tài nguyên môi trường tỉnh B Phước cấp ngày 06/01/2021). Ngoài ra quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Nguyễn Văn H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Đức T1, ông Nguyễn Văn B, ông Nguyễn Văn Th không cung cấp bất cứ tài liệu chứng cứ nào cho Tòa án. Ngoài ra tại Công văn trả lời của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Lộc Ninh thì hộ ông Nguyễn Văn H không có hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại khu phố Ninh Hòa, thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh B Phước. (BL số 73).

Hiện tại thửa đất gia đình ông H đang sinh sống có một mặt giáp với đất của bà T vẫn chưa được Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Người làm chứng ông Hoàng Ngọc Y xác định: Trước khi chuyển nhượng cho bà T và bà C thì ông Y vẫn sử dụng ổn định đúng diện tích đã được cấp theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất và không xảy ra tranh chấp gì với gia đình ông Hóa, đất cấp đã được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1846 ngày 29/11/2019, đất tọa lạc tại khu phố Ninh Hòa, thị trấn Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh B Phước.

Theo Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lộc Ninh xác định: Diện tích đất tranh chấp 23,6m² nằm trong diện tích 207,6m², Tộc thửa đất số 80, tờ bản đồ 19, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 2381 do Sở tài nguyên môi trường tỉnh B Phước cấp ngày 06/01/2021 đứng tên bà Nguyễn Thị Thanh T. Thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng trình tự thủ tục. Nguyên đơn không có ý kiến gì về sơ đồ đo đạc trên.

Đối với phần diện tích đất tranh chấp là 23,6m² nằm trong diện tích 207,6m², Tộc thửa đất số 80, tờ bản đồ 19, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 2381 do Sở tài nguyên môi trường tỉnh B Phước cấp ngày 06/01/2021 đứng tên bà Nguyễn Thị Thanh T thì phía bị đơn cũng như người có quyền lợi liên quan bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Đức T1, ông Nguyễn Văn B, ông Nguyễn Văn Th không chứng minh được diện tích này Tộc quyền sở hữu hợp pháp của mình.

Như vậy kể từ thời điểm được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Nhà nước đã thừa nhận quyền sử dụng đất hợp pháp cho các đương sự theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp. Diện tích đất tranh chấp được cơ quan chuyên môn xác định có 23,6m² Tộc quyền sử dụng của bà T. Do đó Hội đồng xét xử đủ căn cứ để chấp yêu cầu khởi kiện của bà T buộc bị đơn ông Nguyễn Văn H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Đức T1, ông Nguyễn Văn B, ông Nguyễn Văn Th phải trả lại phần đất đã lấn chiếm là 23,6m² cho bà T.

Đối với 02 lồng bằng sắt. Trong đó lồng thứ nhất có kích thước 01 mét x 01 mét x 1,6 mét (dài x rộng x cao). Lồng thứ 2 có kích thước 01 mét x 02 mét x 1,3 mét (dài x rộng x cao) buộc đơn ông Nguyễn Văn H và người có quyền lợi

nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Đức T1, ông Nguyễn Văn B, ông Nguyễn Văn Thiện phải di dời ra khỏi thửa đất của bà T.

[4] Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định “Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận”. Do vậy ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng. Bà T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về chi phí tố tụng khác:

- Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và đo đạc số tiền 2.000.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T1 T được Tòa án chấp nhận nên bị đơn ông H phải chịu theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, do số tiền trên bà T đã nộp, nên ông H phải trả lại cho bà T số tiền 2.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định và đo đạc.

[6] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: khoản 9 Điều 26 điểm a khoản 1 Điều 35 điểm a và c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 điều 166, khoản 1 Điều 203 của Luật đất đai năm 2013; khoản 2 điều 164 Bộ luật Dân sự năm 2015

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T1 T.

Buộc ông Nguyễn Văn H , bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Đức T1, ông Nguyễn Văn B, ông Nguyễn Văn Th phải trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T phần diện tích đất 23,6m² nằm trong diện tích 207,6m², thuộc thửa đất số 80, tờ bản đồ 19, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 2381 do Sở tài nguyên môi trường tỉnh B Phước cấp ngày 06/01/2021 đứng tên bà Nguyễn Thị Thanh T, Thửa đất tọa lạc tại khu phố Ninh Hòa, thị trấn Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh B Phước. (Theo đo đạc chỉnh lý thửa đất bản đồ địa C số 01-2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lộc Ninh ngày 25/01/2021).

Buộc ông Nguyễn Văn H , bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Đức T1, ông Nguyễn Văn B, ông Nguyễn Văn Thi phải di dời: 02 lồng băng sắt. Trong đó lồng thứ nhất có kích thước 01 mét x 01 mét x 1,6 mét (dài x rộng x cao). Lồng thứ 2 có kích thước 01 mét x 02 mét x 1,3 mét (dài x rộng x cao) ra khỏi thửa đất của bà T

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Thanh T không phải chịu án phí. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh, tỉnh B Phước hoàn trả cho bà T số tiền 2.500.000 đồng mà bà T đã nộp theo biên lai T tạm ứng số 0001358 ngày 04/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh.

3/ Về chi phí tố tụng khác:

Buộc ông H trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

4/ Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh B Phước xét xử phúc thẩm.

6/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B Phước;
- VKS huyện Lộc Ninh;
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**